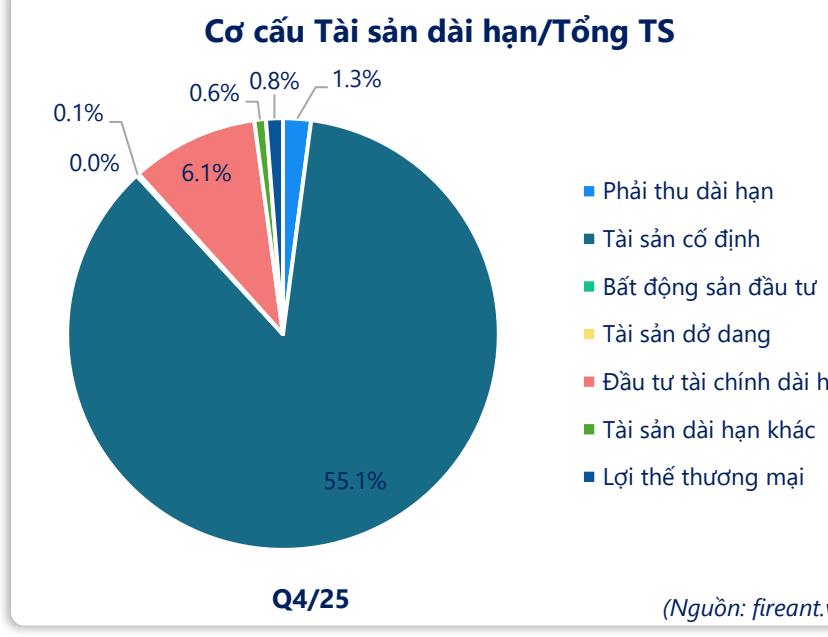
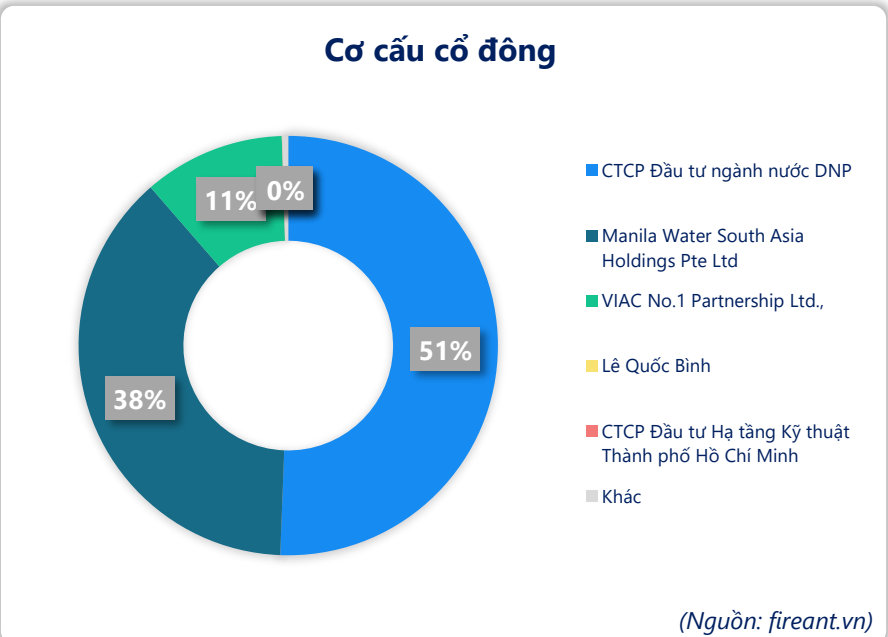
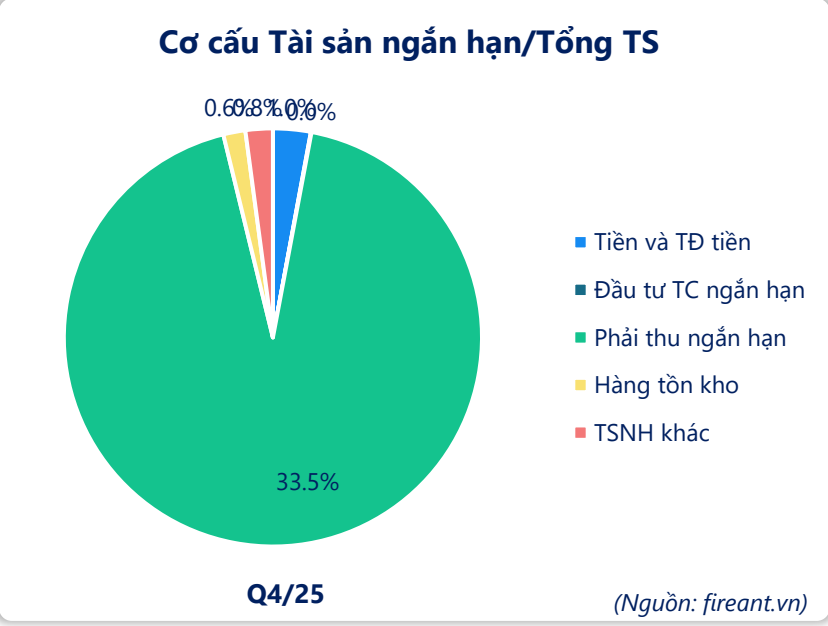
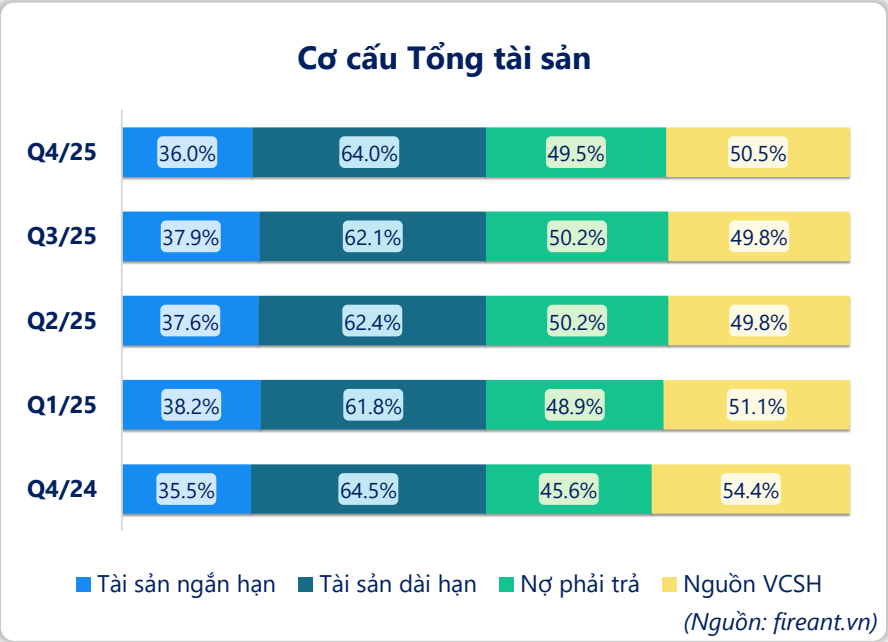
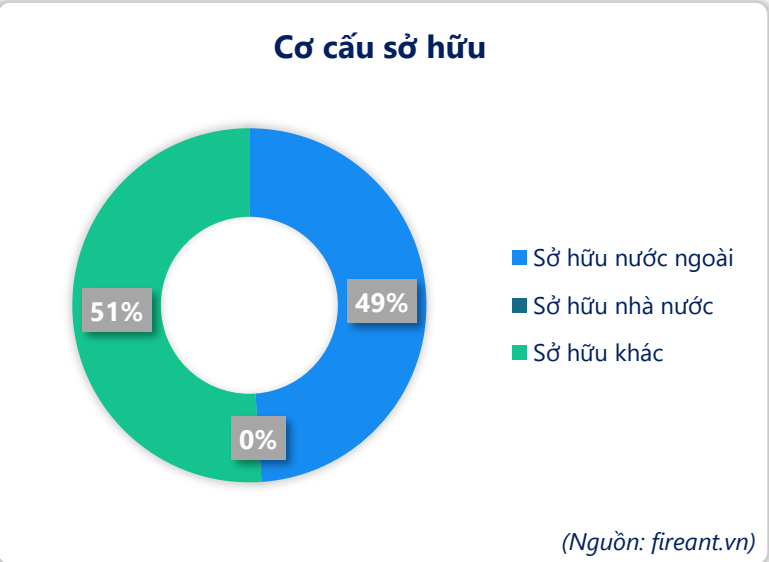
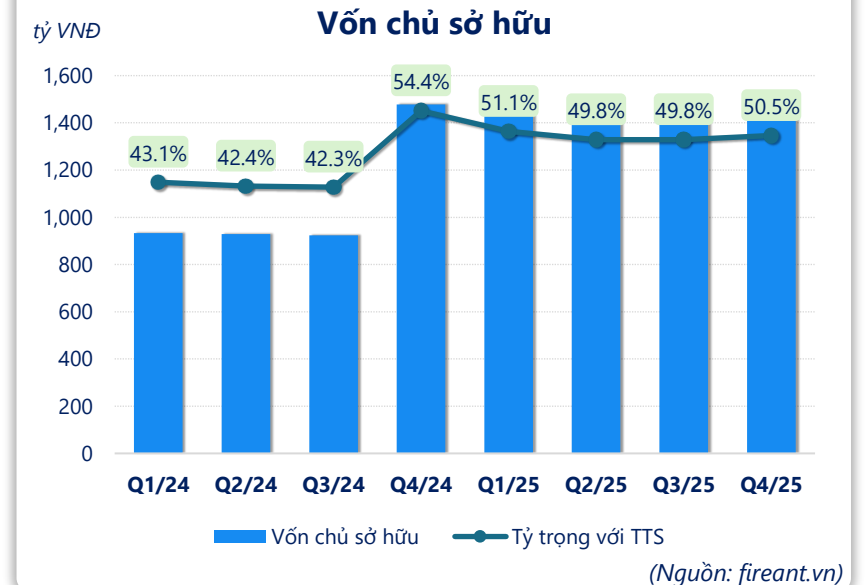
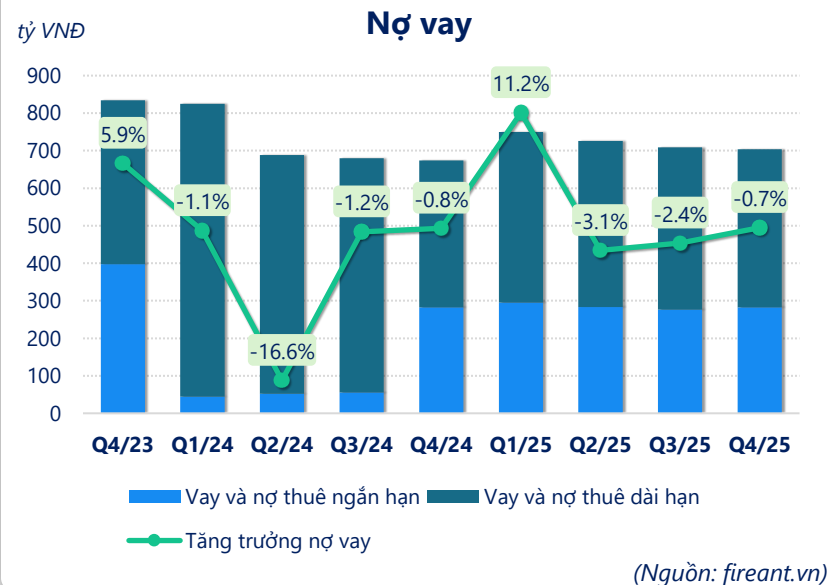
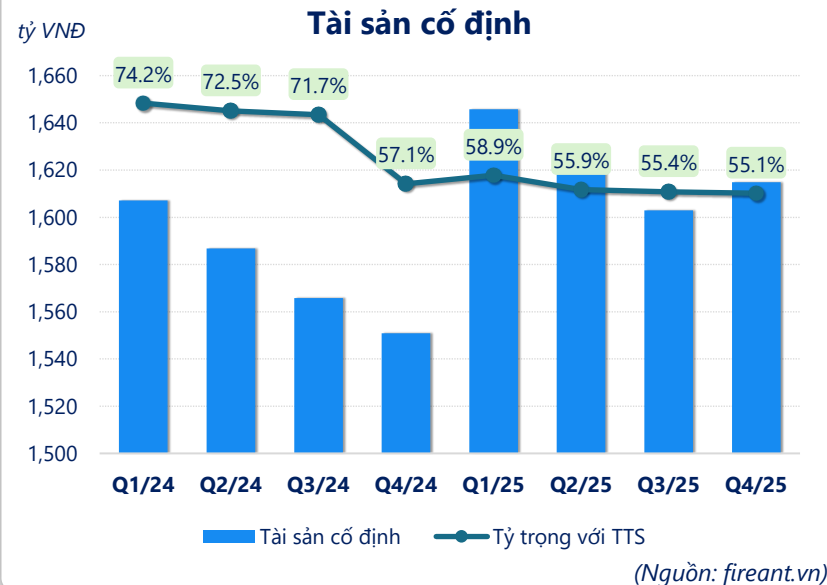
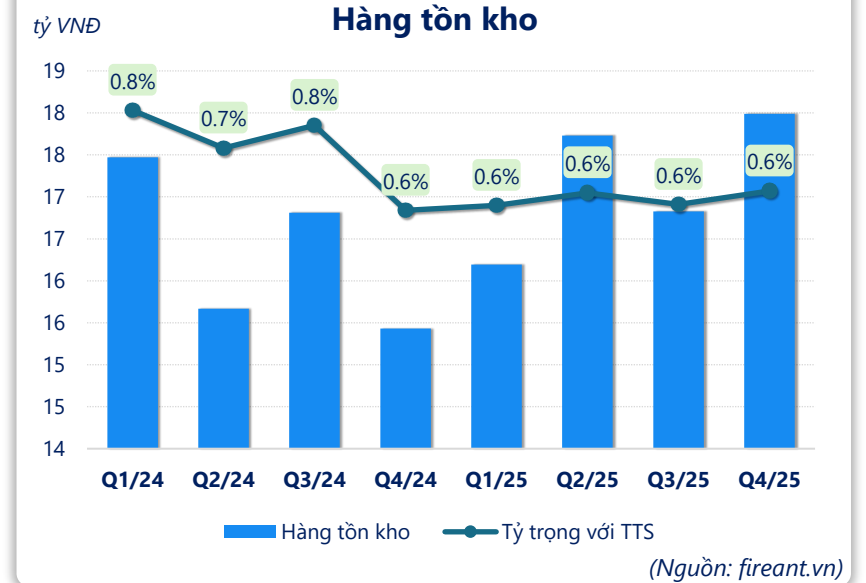
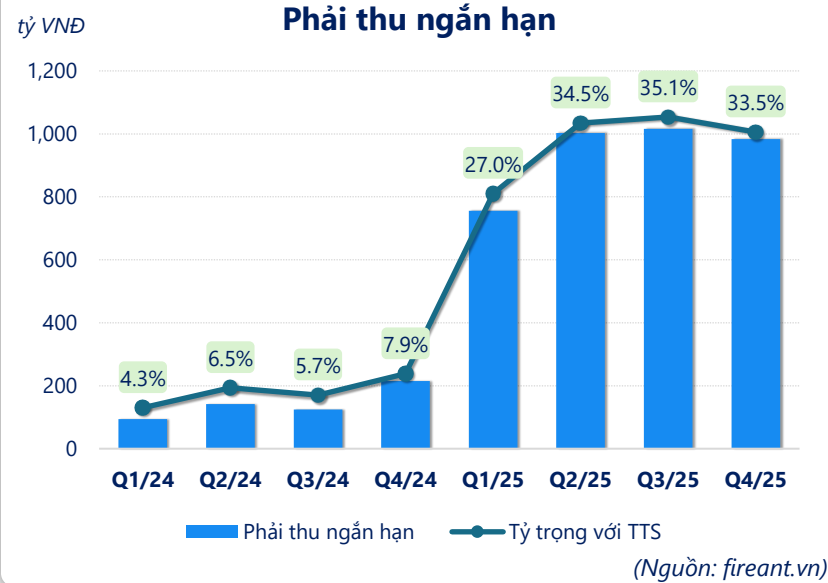
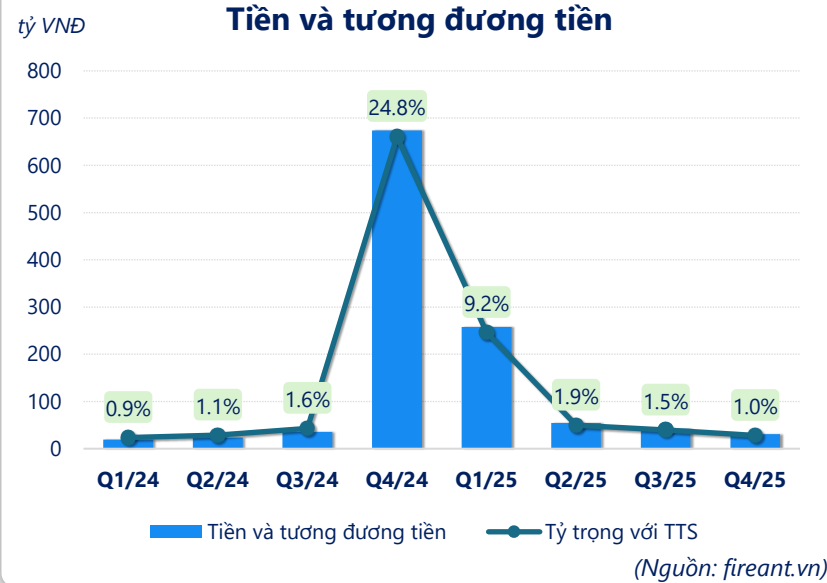
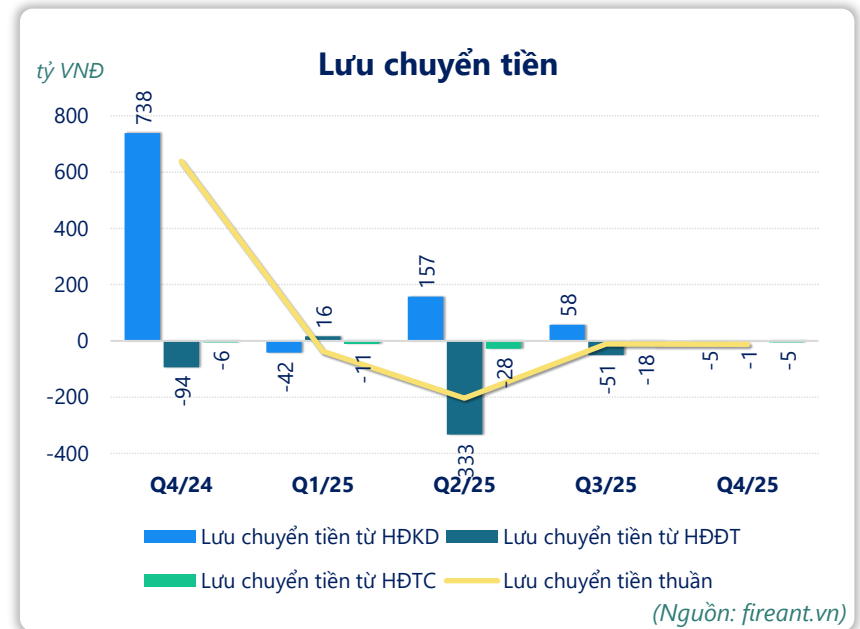
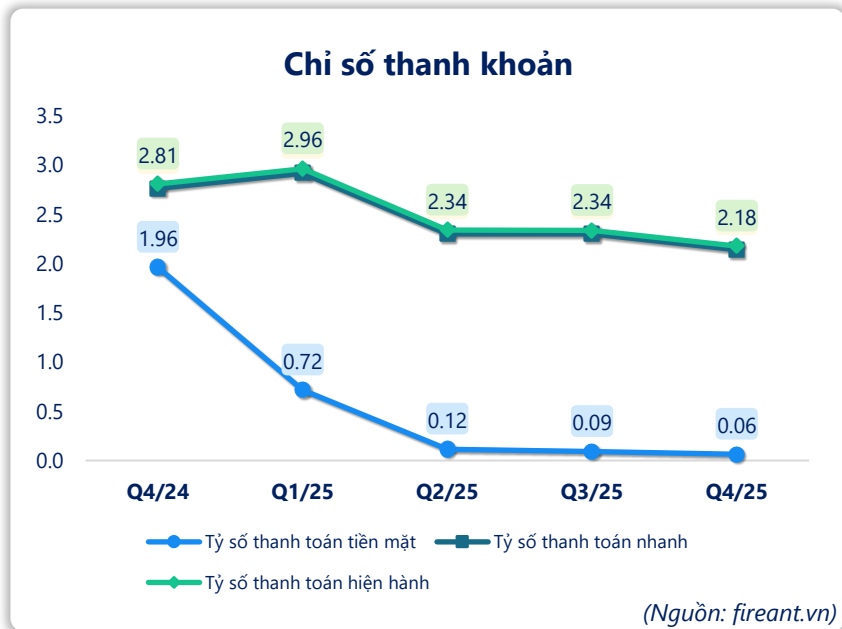
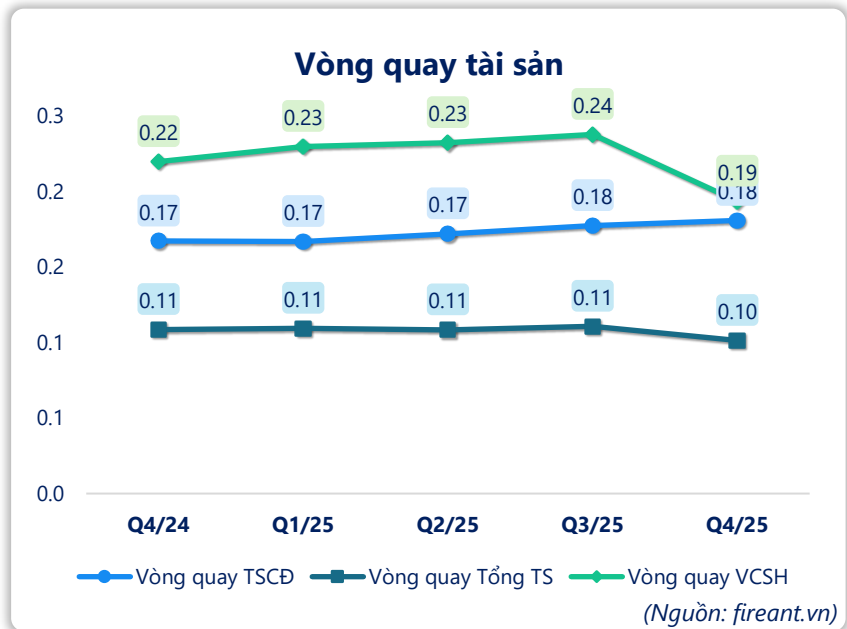
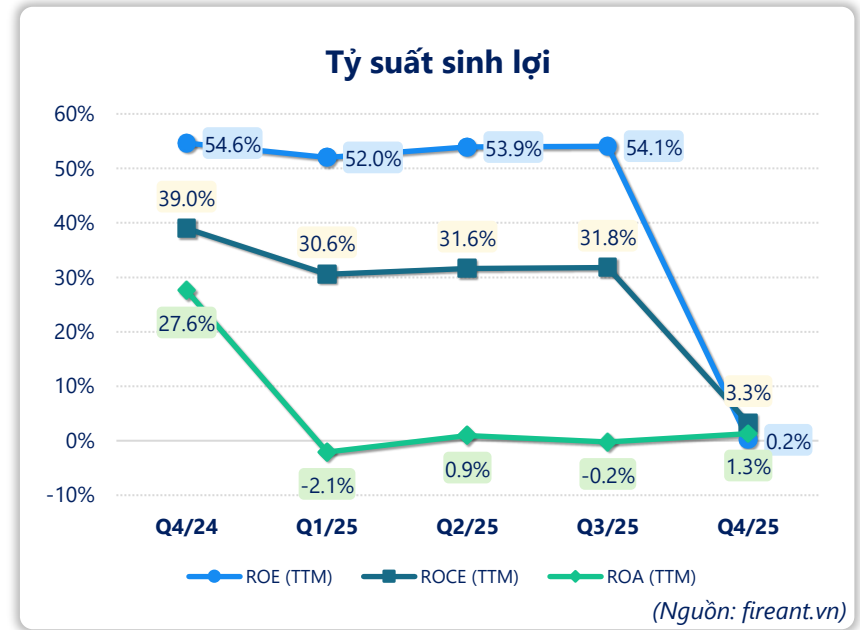
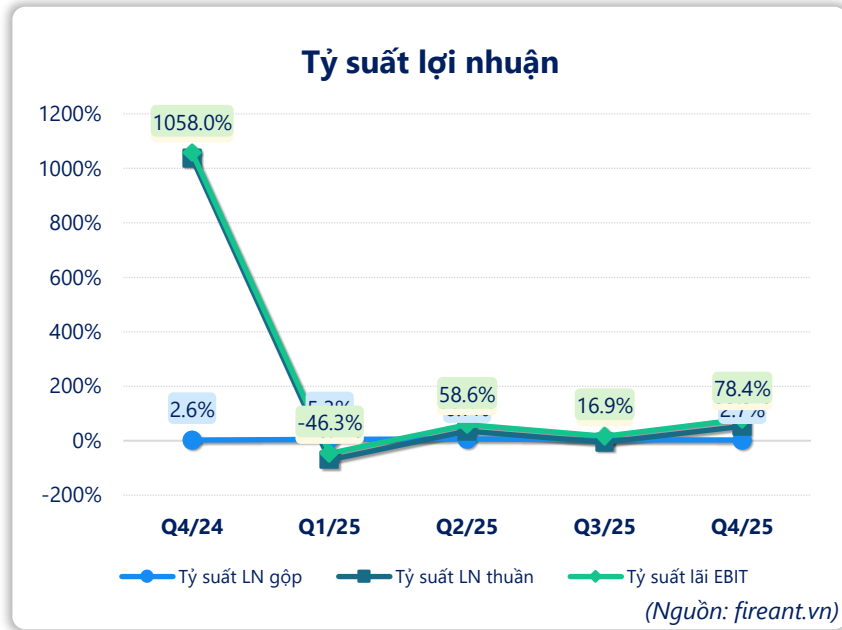
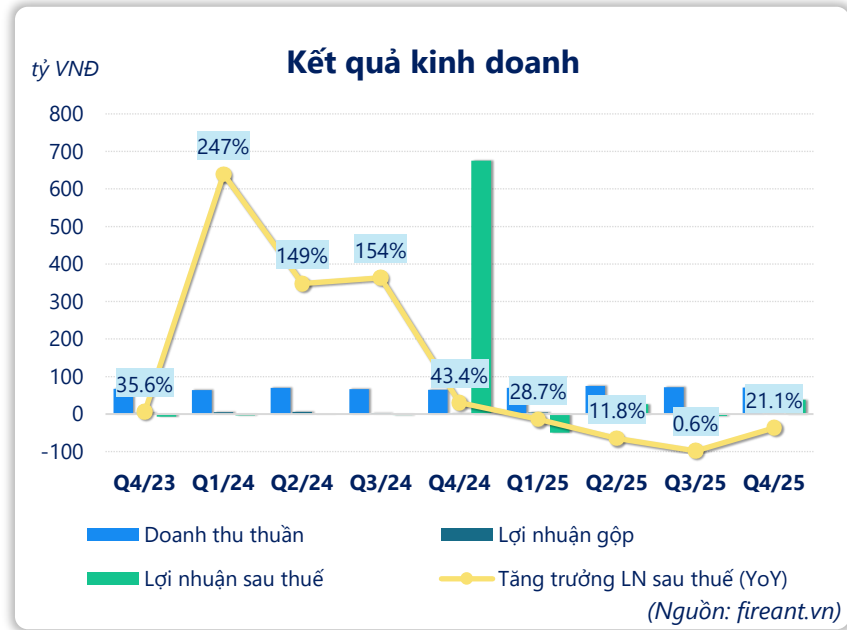


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		17,700
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		28,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		13,400
SL cổ phiếu LH		64,522,104
KLGD BQ 20 phiên (CP)		100
% sở hữu nước ngoài		48.9%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		1,142
P/E		459.1
EPS		39

	YTD	1T	3T	6T
SII	-3.3%	-0.6%	-0.6%	15.7%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	2,931	2,852	2.8%
Tài sản ngắn hạn	1,054	963	9.5%
Tiền và tương đương tiền	30.7	295	-89.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.50	16.3	-96.9%
Phải thu ngắn hạn	983	603	63.1%
Hàng tồn kho	18.0	16.6	8.6%
Tài sản ngắn hạn khác	22.3	32.8	-32.0%
Tài sản dài hạn	1,877	1,889	-0.7%
Phải thu dài hạn	39.2	39.1	0.3%
Tài sản cố định	1,615	1,664	-3.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	3.44	1.36	152%
Đầu tư tài chính dài hạn	179	143	25.1%
Tài sản dài hạn khác	16.2	12.0	34.9%
Lợi thế thương mại	23.8	29.1	-18.3%
Nợ phải trả	1,452	1,373	5.7%
Nợ ngắn hạn	484	360	34.5%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	282	295	-4.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	30.8	30.0	2.7%
Nợ dài hạn	967	1,013	-4.5%
Vay và nợ thuê dài hạn	421	465	-9.5%
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,479	1,479	0.0%
Vốn chủ sở hữu	1,479	1,479	0.0%
Vốn điều lệ	645	645	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	65.1	69.7	74.6	71.5	70.2
Giá vốn hàng bán	63.4	66.0	69.6	69.1	68.4
Lợi nhuận gộp	1.69	3.71	4.98	2.38	1.87
Doanh thu HĐTC	665	16.7	53.1	25.0	42.9
Chi phí TC	16.0	56.8	19.4	19.3	-7.26
Chi phí lãi vay	12.4	16.3	16.1	16.1	15.8
LN trong công ty LKLD	37.8	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	4.70	4.44	3.70	4.02	5.16
Chi phí QLDN	8.90	8.23	8.37	8.22	9.28
LN thuần từ HĐKD	675	-49.1	26.5	-4.16	37.5
Lợi nhuận khác	1.04	0.45	1.07	0.18	1.73
LN trước thuế	676	-48.6	27.6	-3.98	39.3
Lợi nhuận sau thuế	675	-49.9	26.0	-5.00	38.1
LNST của CĐ cty mẹ	673	-51.4	23.5	-6.26	36.7

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	738	-42.2	157	57.7	-5.39
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-94.0	16.4	-333	-51.1	-1.21
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-5.56	-11.0	-27.9	-18.2	-5.30
Tiền đầu kỳ	35.3	295	258	54.2	42.6
Lưu chuyển tiền thuần	638	-36.8	-204	-11.6	-11.9
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	674	258	54.2	42.6	30.7

(Nguồn: fireant.vn)